



CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
VIETNAM TRADE PROMOTION AGENCY

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG INDONESIA



Hà Nội, 2014

MỤC LỤC

Phần 1: Giới thiệu khái quát về thị trường Indonesia

1. Thông tin cơ bản	3
2. Điều kiện tự nhiên.....	3
3. Khí hậu	3
4. Xã hội.....	3
5. Thể chế và cơ cấu hành chính	4
5.1 <i>Thể chế</i>	4
5.2 <i>Cơ cấu hành chính</i>	5
6. Hệ thống pháp luật	5
7. Lịch sử	5
8. Văn hóa.....	5
9. Giáo dục.....	6
10. Ngày nghỉ/ lễ tết	7

Phần 2: Tình hình phát triển kinh tế, thương mại và đầu tư

1. Kinh tế	8
1.1 <i>Tổng quan tình hình phát triển kinh tế</i>	8
1.2 <i>Các ngành kinh tế trọng điểm</i>	8
2. Thương mại.....	8
3. Đầu tư	9
4. Cơ sở hạ tầng kinh tế.....	9
5. Các chỉ số kinh tế, thương mại cơ bản	10
6. Quan hệ quốc tế	10

Phần 3: Quan hệ hợp tác Việt Nam - Indonesia

1. Quan hệ ngoại giao	12
2. Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại	14
3. Hợp tác đầu tư	16

Phần 4: Một số điều cần biết khi kinh doanh với Indonesia

1. Các quy định về xuất nhập khẩu	18
1.1 <i>Thủ tục thông quan hàng nhập khẩu</i>	18
1.2 <i>Chứng từ nhập khẩu</i>	19
1.3 <i>Những mặt hàng cấm hoặc hạn chế nhập khẩu</i>	19
1.4 <i>Kiểm tra hải quan</i>	20
1.5 <i>Tạm nhập</i>	20
2. Chính sách thuế và thuế suất	21
2.1 <i>Thuế nhập khẩu</i>	21
2.2 <i>Định giá tính thuế nhập khẩu và đóng thuế nhập khẩu</i>	21
2.3 <i>Miễn thuế, giảm thuế và hoàn thuế nhập khẩu</i>	22
2.4 <i>Các loại thuế khác đánh vào hàng nhập khẩu</i>	23

3. Quy định về bao gói, nhãn mác.....	24
4. Quy định về kiểm dịch động thực vật.....	24
5. Quyền sở hữu trí tuệ	25
6. Khu vực tự do thương mại	25
7. Thành lập doanh nghiệp.....	25
8. Văn hoá kinh doanh.....	26

Phần 5: Địa chỉ hữu ích

Tài liệu tham khảo	31
---------------------------------	-----------

PHẦN I: GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ THỊ TRƯỜNG INDONESIA

1. Thông tin cơ bản

Tên chính thức: Cộng hoà Indonesia

Vị trí địa lý: Nằm ở Đông Nam Á

Diện tích: 1.919.440 km²

Dân số: 253.609.643 người (ước tháng 7/2014)

Thủ đô: Jakarta

Đơn vị tiền tệ: Indonesian rupiah (IDR)

Ngôn ngữ chính thức: Ngôn ngữ chính thức là tiếng Bahasa Indonesia, tiếng Anh, tiếng Hà Lan, tiếng Gia-va.

Ngày quốc khánh: ngày 17/08/1945

2. Điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lý: Indonesia nằm ở Đông Nam Á, gồm nhiều quần đảo nhỏ nằm giữa biển Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, giáp giới với Đông Timo 228 km, với Malaysia 1.782 km và với Papua New Guinea 820 km, là một quần đảo lớn nhất thế giới.

Diện tích: 1.919.440 km²

Địa hình: Phần lớn là vùng đất thấp ven biển, các đảo lớn có núi ở giữa trung tâm.

Tài nguyên thiên nhiên: dầu mỏ, thiếc, khí gas tự nhiên, niken, gỗ, quặng bôxít, đồng, than đá, vàng, bạc, đất phi nhiêu màu mỡ.

3. Khí hậu

Nhiệt đới; nóng, ẩm; ở vùng núi khí hậu dịu hơn. Có 2 mùa: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4. Nhiệt độ trung bình: 26⁰C (với điểm cao nhất là 33⁰C và thấp nhất là 21⁰C). Lượng mưa trung bình: 2.000 mm (thay đổi từ nơi cao nhất là 6.000 mm đến nơi thấp nhất là 540 mm).

4. Xã hội

(Số liệu ước tính 2014. Nguồn: www.cia.gov)

Dân số

Tổng số dân: 253.609.643 (ước tháng 7/2014)

Cơ cấu dân số theo độ tuổi:

0-14 tuổi: 26,2% (Nam 33.854.520/Nữ 32.648.568)

15-64 tuổi: 55,9% (nam 85.862.003/ nữ 84.795.631)

Trên 65 tuổi: 6,4% (Nam 7.176.865/Nữ 9.308.056) (ước 2014)

Tốc độ gia tăng dân số: 0,95% (ước 2014)

Tỷ lệ sinh: 17,04 trẻ/ 1000 dân (ước 2014)

Tỷ lệ tử: 6,34 người/ 1000 dân (ước 2014)

Cơ cấu giới tính: 1 nam/nữ

- o Sơ sinh: 1.05 nam/nữ

- o Dưới 15 tuổi: 1,04 nam/nữ
- o 15-64 tuổi: 3,07 nam/nữ
- o Trên 65 tuổi: 0,78 nam/nữ

Tuổi thọ trung bình: 72,17 tuổi, trong đó:

- o Tuổi thọ trung bình đối với nam: 69,59 tuổi
- o Tuổi thọ trung bình đối với nữ: 74,88 tuổi

Dân tộc:

Java (40,1%), Sundan (15,5%), Batak 3.6%, Madur (3,5%), Mã Lai (3,7%), Betawi 2.9%, Minangkabau 2.7%, Buginese 2.7%, Bantenese 2%, Banjarese 1.7%, Balinese 1.7%, Acehnese 1.4%, Dayak 1.4%, Sasak 1.3%, Trung Quốc 1.2%, Các dân tộc khác 15%

Tôn giáo:

- o Đạo hồi 87,2%
- o Đạo tin lành 7%
- o Thiên chúa giáo 2,9%
- o Đạo Hindu 1,7%
- o Đạo phật 0.9%
- o Các tôn giáo khác 0,4%

Ngôn ngữ: Ngôn ngữ chính thức là tiếng Bahasa Indonesia (ngôn ngữ phổ thông bắt nguồn từ tiếng Malaixia). Ngoài ra còn có tiếng Anh, tiếng Hà Lan, tiếng Gia-va và hơn 150 thổ ngữ khác.

5. Thể chế và cơ cấu hành chính

5.1 Thể chế

Chính thể: Cộng hòa.

Hiến pháp: Thông qua tháng 8-1945.

Hành pháp: Đứng đầu Nhà nước và Chính phủ: Tổng thống. Tổng thống và Phó Tổng thống được bầu theo phổ thông đầu phiếu nhiệm kỳ 5 năm.

Lập pháp: Quốc hội (550 ghế, được bầu theo phổ thông đầu phiếu, các thành viên có nhiệm kỳ 5 năm).

Tư pháp: Tòa án Tối cao, các thẩm phán do Tổng thống bổ nhiệm.

Các đảng phái chính trị chính:

- o Golkar
- o Đảng Thức tình dân tộc (PKB)
- o Đảng Ủy thác dân tộc (PAN)
- o Đảng Đấu tranh dân chủ Indonesia
- o Đảng Trắng lưỡi liềm và Ngôi sao (PBB)
- o Đảng Dân chủ Indonesia (PDI)

5.2 Cơ cấu hành chính

Toàn bộ lãnh thổ Indonesia được chia thành 33 đơn vị hành chính địa phương cấp một gọi là *tỉnh*, tương tự các tỉnh hoặc tiểu bang (bang) của các quốc gia khác. Mỗi tỉnh lại được chia thành các đơn vị hành chính nhỏ hơn gọi là *huyện* (nếu là nông thôn) hoặc *thành phố* (nếu là đô thị). Hiện Indonesia có 349 huyện và 91 thành phố.

Thủ đô: Jakarta.

Các thành phố lớn: Surabaya, Bandung, Meclan, Palembang...

6. Hệ thống pháp luật

Dựa trên hệ thống pháp luật của Hà Lan. Hiến pháp ban hành tháng 8 năm 1945, được sửa đổi nhiều lần và lần gần nhất vào năm 1986.

7. Lịch sử

Năm 500 đế quốc lớn đầu tiên được lịch sử ghi nhận của Indonesia là xứ Sri-Vijaya được dựng lên ở phía nam đảo Sumatra. Thủ đô của xứ ấy là thành Palembang, nay là một đô thị đông trên 1 triệu dân.

Năm 1222 xứ Singhasari được thành lập ở đông bộ Java, nhanh chóng trở thành thế lực lớn nhất nhì của quần đảo. Singhasari đánh đuổi được quân xâm lược Mông Cổ năm 1293, rồi đổi quốc hiệu thành Majapahit. Năm 1319, một viên tướng thủ lĩnh ngự lâm quân là Gajah Mada dần nắm hết mọi quyền bính trong triều. Từ năm 1319 đến 1364, Gajah Mada bành trướng Majapahit thành rộng lớn như Indonesia ngày nay, có thêm miền nam của Phi-Luật-Tân (Philipine hiện nay).

Từ khoảng năm 1250 trở đi, đạo Hồi (Islam) ngày càng có đông tín đồ trên quần đảo. Đến khoảng năm 1550 thì đạo Hồi trở thành tôn giáo có đông tín đồ nhất trong vùng. Lúc đó Majapahit đã yếu, và người Bồ Đào Nha bắt đầu đến lập căn cứ. Ít lâu sau đến lượt người Hà Lan. Năm 1619 người Hà Lan đổi tên thành Jayakarta (có nghĩa là "Chiến thắng huy hoàng", tức Jakarta, đọc rút ngắn) thành Batavia, tên của chủng tộc tổ tiên của người Hà Lan, và đặt trung tâm hành chính của họ ở đây. Người Hà Lan đô hộ phần lớn quần đảo Indonesia đến năm 1945.

Cuối năm 1949, Indonesia được Hà Lan công nhận là quốc gia độc lập và bàn giao lại hệ thống hành chính.

Indonesia là thành viên Liên hợp quốc từ 25 tháng 10 năm 1950.

Ngày 30 tháng 8 năm 1999, nhân dân Timor Timur đã bỏ phiếu tán thành tách khỏi Indonesia.

Ngày 20 tháng 5 năm 2002, Đông Timor tách khỏi Indonesia và được quốc tế công nhận là một quốc gia độc lập.

8. Văn hóa

Indonesia có nền văn hoá vô cùng giàu có với sự hoà quyện của những sắc màu tôn giáo và một truyền thống văn hoá hết sức lâu đời. Là một đất nước Hồi giáo đông dân nhất thế giới nhưng nơi đây cũng chịu nhiều ảnh hưởng của các nền văn hoá phương Tây như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan... Cho tới ngày nay, những vở kịch múa nổi tiếng ở Java và Bali vẫn mang đậm dấu ấn của Ấn Độ giáo trong khi thể loại Batak ở vùng Bắc Sumatra lại là những nhóm hát tập thể mang tính chất giải trí đơn thuần. Những nhà thờ Hồi giáo uy nghi được xây cạnh những tượng đài chiến thắng mang kiến trúc hiện đại phương Tây chính là nhân chứng của một nền văn hoá đa dạng cùng những thăng trầm của vùng đất tuyệt đẹp này.

Ẩm thực: Ẩm thực Indonesia rất đa dạng và phong phú về các món ăn cũng như cách chế biến. Người Indonesia rất chú ý trong việc dùng các loại gia vị tạo nên đặc trưng riêng của món ăn. Ớt và tiêu đỏ là hai loại gia vị chính được sử dụng tạo nên vị cay xé lưỡi trong các món ăn truyền thống.

Gạo là lương thực chính của Indonesia, cá và hải sản là thực phẩm phổ biến. Nếu bạn là khách được mời dùng cơm ở Indonesia thì khi ăn nên chừa lại một ít thức ăn để tỏ ý mình đã ăn rất no và bữa ăn thật ngon miệng.

Âm nhạc: Âm nhạc Indonesia rất đa dạng, cả về âm nhạc truyền thống, âm nhạc hiện đại lẫn âm nhạc của các dân tộc thiểu số.

Âm nhạc dân tộc Indonesia nổi trội về bộ gõ (được đánh bằng tay hay bằng dùi). Người ta chơi nhạc với nhiều loại nhạc cụ và âm điệu khác nhau nhưng đa phần vẫn là bộ gõ. Chúng được làm từ đủ loại vật liệu như gỗ, da, sắt và cả đồng.

Âm nhạc cổ truyền ở vùng Sumatra dùng rất nhiều nhạc cụ từ sáo trúc, violông và đàn phong cầm, trong khi âm nhạc ở Bali và Java lại được "chơi" chủ yếu bằng các nhạc cụ bằng đồng được gọi là Gamelan.

Ở thủ đô Jakarta và một số vùng khác của Indonesia, sự pha trộn giữa nền văn hóa phương Tây và Indonesia đã tạo nên tính riêng biệt của nền âm nhạc Indonesia. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các nghệ sĩ Indonesia trong việc sáng tác của họ. Đặc biệt, nhiều thể loại âm nhạc của các dân tộc thiểu số khác nhau ở Indonesia và bên ngoài Indonesia có thể phát triển và tồn tại bên nhau.

Lễ hội: Indonesia có rất nhiều lễ hội nhưng thời gian diễn ra lễ hội lại có sự thay đổi hàng năm. Lễ hội lớn nhất và có ảnh hưởng quan trọng nhất đến mọi hoạt động kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước là lễ ăn chay Ramadan vào tháng 2-3 hàng năm. Trong thời gian này người theo đạo Hồi ở Indonesia không để bất cứ thứ gì chạm vào miệng từ khi mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn. Mọi cơ quan, đơn vị hầu như chỉ hoạt động cầm chừng, người dân tập trung đi lễ và cầu nguyện.

Thể thao: Các hoạt động thể thao ở Indonesia phát triển khá mạnh so với các nước trong khu vực châu Á. Môn thể thao chính và được ưa chuộng là bóng đá.

9. Giáo dục

Theo quy định, giáo dục được miễn phí và mang tính bắt buộc (từ 6 - 12 tuổi), song trường học ở vùng nông thôn rất thiếu thốn. Trong số 27 tỉnh của Indonesia, tỉnh nào cũng có ít nhất một trường đại học hay một tổ chức giáo dục có trình độ tương đương.

10. Ngày nghỉ/ lễ tết

Năm mới: ngày 1/1

Ngày Mi'raj Nabi Muhamamd (Lễ tưởng niệm Đấng tiên tri Môhamét): Tháng 1-2

Lễ ăn chay Ramadan: Tháng 2-3

Idul Adha 1422 H (Ngày tế lễ hội giáo): ngày 5/3

Tết của người Hindu: ngày 25/3

Tết của người Hồi giáo: ngày 26/3

Thứ 6 tuần thánh: ngày 29/4

Waisak (Tết đạo Phật): ngày 21/5

Ngày thăng thiên của chúa Giê-su: ngày 24/5

Sinh nhật Mohammed: ngày 4/6

Ngày quốc khánh: 17 tháng 8

Lễ thăng thiên của Mohammad: ngày 25/10

Lễ Giáng sinh: ngày 24/12

PHẦN II: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ, THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ

1. Kinh tế

1.1 Tổng quan tình hình phát triển kinh tế

Indonesia là một nước giàu tài nguyên gồm: dầu mỏ, khí tự nhiên, thiếc, ni-ken và bô-xít, song vẫn nghèo, vì dân số đông. Trên 55% lực lượng lao động làm nông nghiệp. Lúa là cây lương thực chủ yếu, tuy nhiên vẫn không đủ cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng trong nước. Indonesia cũng xuất khẩu một số lượng đáng kể cao su, chè, cà phê và các loại gia vị. Công nghiệp liên quan nhiều đến khai thác dầu khí, chế biến khoáng sản và các sản phẩm nông nghiệp.

Do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế Mỹ và tăng trưởng chậm của kinh tế toàn cầu, giá nhiên liệu tăng cao, chính phủ Indonesia nhận định nền kinh tế đất nước cũng không thể phát triển cao hơn nữa trong thời gian tới. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế của Indonesia phấn đấu đạt mức ổn định từ 4-6%/năm trong giai đoạn 2008-2013, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang công nghiệp và dịch vụ, kìm chế thâm hụt ngân sách và tỷ lệ thất nghiệp, tăng cường xuất khẩu các sản phẩm phi dầu khí với mức tăng trung bình khoảng 10%/năm.

1.2 Các ngành kinh tế trọng điểm

Nông nghiệp: Trên 40% dân số Indonesia sống bằng nghề nông. Hàng năm ngành này đóng góp khoảng 14% GDP cả nước. Các loại cây trồng chính là cà phê, lúa gạo, đỗ tương, lúa mì... Các sản phẩm nông nghiệp chính là gạo, sắn, lạc, cao su, cô ca, cà phê, dầu cọ, củi dừa khô, gia cầm, thịt bò, thịt lợn, trứng.

Công nghiệp: chủ yếu tập trung vào các ngành khai thác, chế biến các sản phẩm dầu khí, các mặt hàng gỗ, thiết bị điện tử, hàng dệt may, giày dép, xi măng, phân hóa học, gỗ dán, cao su, thực phẩm...

Dịch vụ du lịch: đang đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế đất nước. Indonesia là nước có nhiều lễ hội và các danh lam thắng cảnh, rất thuận lợi cho phát triển du lịch. Hàng năm các hoạt động dịch vụ đã đóng góp khoảng 40% GDP cả nước.

2. Thương mại

Thương mại Indonesia trong vài năm gần đây có bước tăng trưởng vượt bậc, góp phần vào sự phát triển kinh tế đất nước.

Các mặt hàng xuất khẩu chính: dầu mỏ và khí ga, thiết bị điện, gỗ ván ép, hàng dệt may, cao su.

Các mặt hàng nhập khẩu chính: máy móc thiết bị, hóa chất, nhiên liệu, thực phẩm.

Đối tác xuất khẩu chính của Indonesia trong năm 2013 là: Nhật Bản 15,9%, 9% Singapore, Hoa Kỳ 7,8%, Trung Quốc 11,4%, Hàn Quốc 7,9%, Ấn Độ 6,6%, Malaysia 5,9% (2013).

Đối tác nhập khẩu chính của Indonesia trong năm 2013 là: từ Singapore 13,6%, Trung Quốc 15,3%, Nhật Bản 11,9%, Malaysia 6,4%, Hàn Quốc 6,2%, Hoa Kỳ 6,1%, Thái Lan 6% (2013).

Xuất khẩu của Indonesia đạt 178,9 tỷ USD trong năm 2013, giảm -4,48% so với 187,3 tỷ USD so với năm 2012. Các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Indonesia năm 2013 là dầu khí (33%), các loại dầu động - thực vật (11%), thiết bị điện (6%), và các sản phẩm cao su (6%). Các đối tác xuất khẩu lớn nhất là Nhật Bản, Hoa Kỳ, Trung Quốc và Singapore. Trong khi đó, tổng nhập khẩu trong năm 2013 là 178,6 USD giảm 0,1 tỷ USD so với năm 2012.

3. Đầu tư

Môi trường đầu tư

Môi trường pháp lý đối với đầu tư nước ngoài ở Indonesia đang được cải thiện rõ rệt nhờ nỗ lực của chính phủ trong việc sửa đổi, ban hành các chính sách khuyến khích đầu tư cùng với tình hình ổn định và phát triển của kinh tế vĩ mô.

Tình hình đầu tư nước ngoài vào Indonesia

Indonesia thu hút nhu cầu của nhà đầu tư nước ngoài đối với tài nguyên thiên nhiên rộng lớn và sự bùng nổ tiêu dùng dẫn đến đẩy tăng trưởng mạnh mẽ trong nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á.

Kinh tế Indonesia phát triển chủ yếu nhờ đầu tư nước ngoài do nguồn nội lực yếu. Theo số liệu của Cơ quan Điều phối Đầu tư (BKPM) của Indonesia, năm 2013 tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Indonesia là 207,2 tỷ USD (tính đến hết ngày 30/12/2013).

Trong năm 2013, tổng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng 22,4 % so với năm 2012 (26%). Bao gồm 6.2 tỷ USD trong quý IV. Năm 2014, Indonesia đặt mục tiêu tăng FDI trên 27,1 tỷ USD.

Tình hình đầu tư của Indonesia ra nước ngoài

Theo ước tính của Ngân hàng Trung ương Indonesia, hàng năm các doanh nghiệp Indonesia đầu tư khoảng 2,2 tỷ USD ra nước ngoài. Các công ty có vốn đầu tư ra nước ngoài lớn là Công ty dầu khí Quốc gia Pertamina đầu tư sang I-rắc, Nga, Libi; Công ty hoá dầu quốc gia Petrokimia Gresik đầu tư sang Maroc và Công ty truyền thông quốc gia đầu tư sang Ecuador, Nigeria, Căm-pu-chia.

Tính đến hết tháng 12 năm 2013 tổng số vốn đầu tư ra nước ngoài của Indonesia ước đạt 17,41 tỷ USD, tăng 15% so với năm 2012 (14,81 tỷ USD).

4. Cơ sở hạ tầng kinh tế

Viễn thông: Dịch vụ điện thoại ở Jakarta không đồng đều. Dọc theo các đường phố lớn ở các khu trung tâm thương mại và các vùng dân cư mới được trang bị hệ thống cáp quang liên tỉnh nên chất lượng đàm thoại rất tốt và phổ biến. Tuy nhiên ở các khu dân cư cũ thì chất lượng thường không đáng tin cậy, giá đắt và phải chờ lâu. Ở Indonesia có dịch vụ

gọi điện thoại trực tiếp quốc tế. Dịch vụ điện thoại di động cũng đã được phủ sóng toàn quốc nhưng chất lượng nhìn chung chưa được tốt. Năm 2013, số thuê bao điện thoại cố định ở Indonesia là 37,983 triệu thuê bao; số thuê bao điện thoại di động là 281,96 triệu thuê bao; số website Internet là 1,344 triệu và số người sử dụng Internet là 30 triệu người.

Thông tin: Phương tiện thông tin phổ biến nhất ở Indonesia hiện nay là hệ thống báo chí với gần 100 tờ báo, trong đó có khoảng 30 tờ báo thương mại dành cho quảng cáo. Mạng Internet phổ biến rộng rãi ở các thành phố lớn. Dịch vụ bưu điện, chuyển phát nhanh rất phát triển.

Giao thông vận tải: Indonesia có một vị trí địa lý rất quan trọng, được coi là cửa ngõ thông ra các đại dương. Giao thông chính là đường thủy với nhiều hải cảng lớn như: Banjarmasin, Belawan, Ciwandan, Palembang, Panjang.... Ngoài ra hệ thống đường bộ (496.607 km), đường sắt (5.042km), đường hàng không và đường ống cũng khá phát triển.

5. Các chỉ số kinh tế, thương mại cơ bản

(Số liệu 2013. Nguồn: www.cia.gov)

GDP ngang giá sức mua: 1.285 tỷ USD

GDP theo tỷ giá thực: 539,4 tỷ USD

Tăng trưởng GDP: 5,3%

GDP bình quân đầu người: 5.200 USD

GDP đóng góp theo ngành:

- o Nông nghiệp: 14,3%
- o Công nghiệp: 46,6%
- o Dịch vụ: 39,1%

Lực lượng lao động: 120 triệu người

Lực lượng lao động phân bổ theo ngành:

- o Nông nghiệp: 38,9%
- o Công nghiệp: 22,2%
- o Dịch vụ: 47,9%

Tỷ lệ thất nghiệp: 6,6%

Thu chi ngân sách: Thu 137,5 tỷ USD; Chi 166 tỷ USD

Nợ công: 24,2% của GDP

Tỷ lệ lạm phát: 7,7%

Tăng trưởng sản xuất công nghiệp: 4,3%

Kim ngạch xuất khẩu: 178,6 tỷ USD (F.O.B)

Kim ngạch nhập khẩu: 178,9 tỷ USD (C.I.F)

Dự trữ ngoại tệ và vàng: 83,45 tỷ USD

Tổng số vốn nước ngoài hiện đầu tư vào Indonesia (tính đến 12/2013): 207,2 tỷ USD

Tổng số vốn hiện đang đầu tư ra nước ngoài (tính đến 12/2013): 17,41 tỷ USD

6. Quan hệ quốc tế

Indonesia nêu cao học thuyết tự cường dân tộc; tự cường khu vực và đa dạng hóa quan hệ. Chính sách đối ngoại của Indonesia là "độc lập và tích cực", nói cách khác là hoà bình, độc lập, trung lập và không liên kết. Mặt khác, Indonesia vẫn phải dựa vào Hoa Kỳ,

Nhật Bản và Phương Tây để có sự đảm bảo về vốn, kỹ thuật và thị trường để phát triển. Indonesia thực hiện chính sách cân bằng lợi ích giữa các nước lớn để duy trì hoà bình và phát huy vai trò của mình.

Là sáng lập viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) (1967), Indonesia coi trọng quan hệ với ASEAN. Indonesia đồng thời đẩy mạnh hoạt động ngoại giao đa phương trong các tổ chức, diễn đàn khu vực và thế giới; thúc đẩy vai trò và vị thế của Indonesia ở khu vực và trên thế giới.

Tháng 9/1992, Indonesia tổ chức Hội nghị Không Liên kết lần thứ 10; tích cực đóng góp vào việc củng cố và tăng cường vai trò của phong trào, thúc đẩy hợp tác Nam - Nam và đối thoại Bắc - Nam. Tháng 4/2005, Indonesia đã tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 50 năm Hội nghị Băng- đung.

Indonesia muốn cải tổ và dân chủ hoá Hội đồng Bảo an Liên Hiệp quốc theo hướng mở rộng thành viên Hội đồng. Indonesia cũng tích cực tham gia các hoạt động của lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên Hiệp quốc.

Indonesia tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực sau: ADB, APEC, APT, ARF, ASEAN, BIS, CP, EAS, FAO, G-15, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICC, ICRM, IDA, IDB, IFAD, IFC, IFRC, IHO, ILO, IMF, IMO, IMSO, Interpol, IOC, IOM (quan sát viên), IPU, ISO, ITSO, ITU, ITUC, MIGA, MONUC, NAM, OIC, OPCW, OPEC, PIF (đối tác), UN, UN Security Council (tạm thời), UNAMID, UNCTAD, UNESCO, UNIDO, UNIFIL, UNMIL, UNMIS, UNOMIG, UNWTO, UPU, WCL, WCO, WFTU, WHO, WIPO, WMO, WTO.

PHẦN III: QUAN HỆ HỢP TÁC VIỆT NAM - INDONESIA

1. Quan hệ ngoại giao

Về chính trị: Hai nước thiết lập quan hệ ở cấp Tổng lãnh sự quán (30/12/1955) và nâng lên cấp đại sứ (15/8/1964). Hai bên nhất trí lấy ngày 30/12/1955 là Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước.

+ Cho tới nay, hai nước đã ký khoảng trên 20 hiệp định và thoả thuận hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, lãnh sự...; đã thành lập UBHH về hợp tác kinh tế và đã họp 5 phiên (lần gần nhất tháng 4/2009). Indonesia đã lập Tổng lãnh sự quán ở Thành phố Hồ Chí Minh (năm 1993) và đã đồng ý cho ta lập Tổng lãnh sự ở Đen-pa-sa (Ba-li), nhưng cho đến nay ta chưa triển khai.

+ Việt Nam và Indonesia cũng ủng hộ và hợp tác tốt với nhau trên nhiều diễn đàn quốc tế và khu vực. Indonesia ủng hộ lập trường của Việt Nam về vấn đề FIR Hồ Chí Minh (về vùng trời lãnh thổ), tham gia Hội nghị quốc tế về viện trợ phát triển cho Việt Nam ở Pa-ri (11/1993), hoan nghênh việc Hoa Kỳ bỏ cấm vận kinh tế đối với Việt Nam, ủng hộ ta về vấn đề nhân quyền và trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN.

+ Đặc biệt, tháng 6/2003, trong chuyến thăm chính thức Việt Nam của Tổng thống Mê-ga-oát-ti, hai nước đã ký “Tuyên bố chung về khuôn khổ hợp tác hữu nghị và toàn diện bước vào thế kỷ 21”. Cũng nhân dịp này, hai nước đã ký Hiệp định Phân định ranh giới thêm lục địa. Hiệp định đã được Quốc hội Việt Nam phê chuẩn tháng 11/2003 và Quốc hội Indonesia phê chuẩn ngày 13/02/2007 và chính thức có hiệu lực ngày 30/5/2007 sau khi hai bên trao đổi văn kiện phê chuẩn.

+ Từ 8-9/8/2007, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thăm chính thức Indonesia. Nhân dịp này, hai nước nhất trí nâng quan hệ song phương lên một tầm cao mới.

+ Trong tháng 7 và 8/2008, hai nước tiếp tục duy trì và thúc đẩy trao đổi các cấp. Về Indonesia có đoàn Ủy ban chống tham nhũng, Học viện tự cường quốc gia, Học viện Tham mưu Lục quân, Ủy ban Đối ngoại An ninh Quốc phòng và thông tin liên lạc của Quốc hội Indonesia thăm Việt Nam.

+ Trong năm 2009, hai nước tiếp tục tăng cường việc trao đổi đoàn và tiếp xúc cấp cao và giữa các Bộ, ngành. Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Đức Kiên thăm làm việc Indonesia (4/2009). Đại sứ Việt Nam tại Indonesia tham dự lễ nhậm chức của Tổng thống Susilo (10/2009). Chủ tịch DPR Indonesia (Hạ viện) Agung Laksono thăm Việt Nam (8/2009). Bộ trưởng Ngoại giao Indonesia Marty Natalegawa thăm xã giao Việt Nam (11/2009).

+ Kể từ khi ký MOU hợp tác năm 2004, hợp tác hai Bộ Ngoại giao tiếp tục phát triển tốt đẹp. Bộ Ngoại giao hai nước đã tiến hành họp tham khảo chính trị cấp Thứ trưởng Ngoại giao (lần 1 ngày 15/8/2005 tại Yogyakarta và lần 2 ngày 3/12/2007 tại Hà Nội) để trao đổi một số vấn đề trong quan hệ song phương, khu vực và quốc tế nhằm tăng cường hơn nữa sự hợp tác giữa hai Bộ Ngoại giao. Ngày 14/12/2009, cuộc họp Tham khảo hoạch

định chính sách lần 3 cấp Vụ giữa Vụ Hoạch định chính sách hai Bộ Ngoại giao Việt Nam – Indonesia đã diễn ra tại Hà Nội (hai lần trước vào các năm 2005 và 2008).

+ Chủ tịch nước Trương Tấn Sang thăm chính thức Indonesia vào 27-28/6/2013.

+ Bên lề Hội nghị cấp cao ASEAN 24 (2014) tại Myanmar:

Ngày 11/5/2014 Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã Hội kiến với Tổng thống Indonesia Xu-Xi-lô Bam Bang. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đánh giá cao vai trò của Tổng thống trong việc phát triển quan hệ hai nước với dấu ấn quan trọng là việc thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam- Indonesia (tháng 6/2013). Hai bên nhất trí tích cực triển khai Chương trình hành động giai đoạn 2014-2018, hai bên cũng nhất trí sớm họp Ủy ban hỗn hợp song phương lần thứ hai trong năm 2014 và chuẩn bị các hoạt động kỷ niệm 60 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước (1955-2015).

+Một số hiệp định, thỏa thuận đã được ký kết giữa hai bên:

- Hiệp định về Hợp tác văn hóa ký ngày 19/12/1960
- Hiệp định Thương mại ký ngày 23/3/1995 (thay cho Hiệp định 8/11/1978)
- Hiệp định về Hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật (21/11/1990)
- Hiệp định về việc thành lập UBHH hai nước (21/11/1990)
- Hiệp định Khuyến khích và bảo đảm đầu tư (25/10/1991)
- Hiệp định Vận tải biển (25/10/1991)
- Hiệp định Vận chuyển hàng không dân dụng (25/10/1991)
- Hiệp định Hợp tác lâm nghiệp (5/11/1991)
- Hiệp định Thương mại mới (ký lại 23/3/1995)
- Hiệp định Tránh đánh thuế 2 lần (22/12/1997)
- Thỏa thuận hợp tác (MOU) về Cuộc họp UBHH lần thứ 3 và Nghị định thư Bổ sung Hiệp định hợp tác kinh tế-khoa học kỹ thuật (10/11/2001)
- MOU về Hợp tác Thủy sản giữa Bộ Thủy sản Việt Nam và Bộ Biển và Thủy sản Indonesia (8/1/2003)
- Tuyên bố chung về Khuôn khổ hợp tác hữu nghị và toàn diện bước vào thế kỷ 21 tháng 6/2003
- Hiệp định về Phân định ranh giới thêm lục địa, Hiệp định về miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông do Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Dy Niên và Bộ trưởng Ngoại giao Hát-xan Uy-ra-giu-đa ký
- MOU về hàng đổi hàng giữa hai Bộ Thương mại (2003)
- MOU hợp tác trong lĩnh vực dầu khí
- MOU về hợp tác kỹ thuật giữa Hiệp hội Cà phê - Ca cao với Hiệp hội các nhà xuất khẩu cà phê Indonesia (26/6/2003)
- MOU về Hợp tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và MOU về Hợp tác trong lĩnh vực giáo dục (28-30/5/2005)
- MOU về Hợp tác Du lịch (2/2006). MOU về hợp tác mua bán gạo (5/4/2007).
- MOU về Hợp tác phòng chống tham nhũng và MOU về Hợp tác văn hoá (nhân dịp Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thăm chính thức Indonesia tháng 8/2007);
- MOU về hợp tác mua bán gạo (ký nhân dịp họp UBHH lần thứ 5 giữa hai nước tại thành phố Hồ Chí Minh 25/4/5009).

- Ký kết quan hệ Đối tác Chiến lược giữa Việt Nam và Indonesia ngày 27 tháng 6 năm 2013.

2. Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại

Về thương mại, theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong 3 năm gần đây kim ngạch trung bình hai nước đạt hơn 4,6 tỷ USD. Cụ thể: năm 2011 và 2012 đạt hơn 4,6 tỷ USD. Trong năm 2013 kim ngạch thương mại hai nước đạt hơn 4,8 tỷ USD (trong đó Việt Nam xuất 2,451 tỷ USD và nhập là 2,371 tỷ USD); 3 tháng đầu năm 2014 đạt hơn 1,215 tỷ USD (trong đó Việt Nam xuất 640 triệu USD và nhập 575 triệu USD), tăng so 12,3% so với cùng kỳ năm trước (1.081 tỷ USD). Nhìn chung, trong quan hệ thương mại với Indonesia trong 3 năm trở lại đây Việt Nam đã xuất siêu khoảng 100 triệu USD.

Thương mại hai chiều Việt Nam – Indonesia (2011- 3 tháng đầu năm 2014)

Đvt: triệu USD

Năm	2011	2012	2013	3 tháng đầu năm 2014
Xuất khẩu	2.358	2.357	2.451	640
Nhập khẩu	2.247	2.247	2.371	575
Tổng kim ngạch	4.605	4.604	4.822	1.215

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Xuất khẩu một số mặt hàng chủ yếu của Việt Nam sang Indonesia năm 2013 và 3 tháng đầu năm 2014

STT	Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Trị giá (USD)	
			Năm 2013	3 tháng đầu năm 2014
1	Hàng thủy sản	USD	3.913.008	1.475.495
2	Hàng rau quả	USD	18.087.470	6.035.480
3	Cà phê	USD	25.395.271	12.495.236
4	Chè	USD	12.479.622	1.593.712
5	Gạo	USD	91.324.867	721.000
6	Than đá	USD	4.147.504	1.699.400
7	Dầu thô	USD	46.862.600	
8	Quặng và khoáng sản khác	USD	2.179.636	1.098.700
9	Sản phẩm hóa chất	USD	69.210.672	20.200.840
10	Sản phẩm từ chất dẻo	USD	68.656.075	15.361.144
11	Cao su	USD	26.021.030	3.991.826
12	Sản phẩm từ cao su	USD	9.298.485	2.298.840
13	Giấy và các sản phẩm từ giấy	USD	18.801.870	4.274.430
14	Hàng dệt, may	USD	88.788.462	21.397.823
15	Giày dép các loại	USD	21.270.687	6.108.820
16	Sắt thép các loại	USD	325.794.905	89.317.690
17	Sản phẩm từ sắt thép	USD	25.200.276	8.403.278
18	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD	76.399.458	21.452.150
19	Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng	USD	88.185.200	36.566.843

	khác			
20	Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD	94.472.717	21.732.914
21	Hạt tiêu	USD	647.560	4.518.44
22	Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD	2.868.530	1.038.05
23	Xơ, sợi dệt các loại	USD	77.600.323	20.127.33
24	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD	98.047.048	26.732.04
25	Sản phẩm gốm, sứ	USD	9.860.38	1.391.64
26	Kim loại thường khác và sản phẩm	USD	13.521.06	4.057.15
27	Điện thoại các loại và linh kiện	USD	654.415.68	186.460.32
28	Dây điện và dây cáp điện	USD	21.010.11	3.106.75

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Nhập khẩu một số mặt hàng chủ yếu của Việt Nam từ Indonesia năm 2013 và 3 tháng đầu năm 2014

STT	Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Trị giá (USD)	
			Năm 2013	3 tháng đầu năm 2014
1	Hàng thủy sản	USD	24.743.95	10.738.63
2	Hàng rau quả	USD	726.26	344.21
3	Dầu mỡ động thực vật	USD	100.739.19	17.416.65
4	Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD	62.328.22	15.582.04
5	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD	91.097.22	28.282.06
6	Nguyên phụ liệu thuốc lá	USD	14.323.79	2.541.65
7	Hạt điều	USD	33.411.55	8.830.99
8	Sản phẩm khác từ dầu mỏ	USD	2.010.08	374.11
9	Hóa chất	USD	146.988.42	29.541.76
10	Sản phẩm hóa chất	USD	54.697.74	16.407.56
11	Dược phẩm	USD	22.711.05	6.722.98
12	Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	USD	15.258.51	7.267.05
13	Chất dẻo nguyên liệu	USD	85.718.82	23.466.69
14	Sản phẩm từ chất dẻo	USD	46.512.50	10.083.45
15	Cao su	USD	2.558.40	1.447.26
16	Sản phẩm từ cao su	USD	10.407.32	2.223.14
17	Gỗ và sản phẩm gỗ	USD	16.969.44	3.765.87
18	Giấy các loại	USD	253.330.17	57.878.34
19	Sản phẩm từ giấy	USD	6.905.08	1.471.01
20	Bông các loại	USD	3.416.98	1.370.75
21	Xơ, sợi dệt các loại	USD	64.266.49	18.571.75
22	Vải các loại	USD	48.544.00	14.236.87
23	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD	47.298.40	8.464.14
24	Khí đốt hóa lỏng	USD	39.271.45	19.129.46

25	Sắt thép các loại	USD	13.335.42	1.776.96
26	Sản phẩm từ sắt thép	USD	22.187.91	6.288.60
27	Kim loại thường khác	USD	60.535.93	34.657.09
28	Sản phẩm từ kim loại thường khác	USD	111.770.92	4.743.19
29	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD	127.095.1	21.237.24
30	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	USD	146.519.24	40.473.01
31	Dây điện và dây cáp điện	USD	18.913.60	1.618.77
32	Ô tô nguyên chiếc các loại	USD	19.132.90	3.553.03
33	Linh kiện, phụ tùng ô tô	USD	91.751.14	18.429.04
34	Phân bón các loại	USD	14.535.62	5.560.36
35	Hàng điện gia dụng và linh kiện	USD	23.335.01	4.502.10

Indonesia có cơ cấu mặt hàng xuất, nhập khẩu tương tự như Việt Nam, trong đó sản phẩm thế mạnh của Việt Nam xuất sang Indonesia là gạo và dầu thô; sản phẩm thế mạnh của Indonesia xuất sang Việt Nam là một số mặt hàng phục vụ sản xuất công nghiệp như hoá chất, bột giấy, nguyên phụ liệu dệt may, da..., đặc biệt là mặt hàng phân bón. Thực tế những năm qua, lượng phân bón mà Việt Nam đã nhập từ Indonesia là rất lớn.

Với việc hai nước đang lấy lại đà tăng trưởng từ sau cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Indonesia được dự báo sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ và đã nâng tầm đối tác chiến lược.

3. Hợp tác đầu tư

Indonesia hiện có 35 dự án đầu tư tại Việt Nam với tổng vốn ở mức 282 triệu USD, đứng thứ 27 trong số 101 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Việt Nam cũng có 7 dự án đầu tư sang Indonesia với số vốn 107 triệu USD.

Về du lịch, theo số liệu thống kê của Tổng cục Du lịch Việt Nam trong năm 2013 đã có 70390 nghìn lượt khách Indonesia đến Việt Nam. Để thúc đẩy hợp tác du lịch, Đại sứ quán Indonesia tại Việt Nam đã tổ chức cuộc gặp với giới doanh nghiệp du lịch Việt Nam, thu hút 35 công ty lý hành tham gia.

Hợp tác giáo dục đào tạo cũng là một trong những điểm nhấn trong quan hệ hai nước. Năm 2009, Chính phủ Indonesia đã dành nhiều chương trình đào tạo và học bổng cho cán bộ và các tổ chức của Việt Nam. Đại sứ Indonesia khẳng định năm 2010, Indonesia sẽ tiếp tục hợp tác đào tạo với Việt Nam. Tháng 8 năm 2013 Thứ trưởng phụ trách hoạt động đào tạo và dạy nghề của Bộ Lao động và di cư Cộng hòa Indonesia đã có chuyến tham quan và làm việc với Trường Đại học FPT. Hai bên đã cùng bàn về hoạt động hợp tác trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Indonesia.

Về hợp tác khu vực, Việt Nam và Indonesia có cùng lợi ích trong việc kiến tạo và duy trì ổn định khu vực, và điều đó đã tạo ra bầu không khí tích cực cho sự phát triển chung của khu vực. Indonesia đánh giá cao khả năng và trách nhiệm của Việt Nam, điều đã được chứng thực khi Việt Nam đảm đương vai trò Ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

Hai nước cũng hợp tác chặt chẽ trong quan hệ đa phương, luôn ủng hộ lẫn nhau trong các vấn đề cùng quan tâm. Indonesia là một thành viên của nhóm các nước G-20 và Indonesia mong muốn năm 2010, Việt Nam được tham gia Cuộc họp thượng đỉnh nhóm G-20 với tư cách Chủ tịch ASEAN.

Về quốc phòng, Việt Nam và Indonesia cần sớm ký kết Bản ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực này. Việt Nam mong muốn hợp tác với Indonesia trong lĩnh vực tuần tra chung trên biển, đánh bắt cá vì lợi ích của cả hai bên. Bên lề cuộc họp thượng đỉnh cấp cao ASEAN 24 tại Myanmar 5/2014. Hai bên nhất trí tích cực triển khai Chương trình hành động giai đoạn 2014-2018.

Năm 2015, Việt Nam và Indonesia sẽ tiến hành kỷ niệm 60 năm thiết lập quan hệ ngoại giao.

PHẦN IV: MỘT SỐ ĐIỀU CẦN BIẾT KHI KINH DOANH VỚI INDONESIA

1. Các quy định về xuất nhập khẩu

1.1 Thủ tục thông quan hàng nhập khẩu

Trước khi máy bay hoặc tàu đến nơi, đại lý chuyên chở nên nộp thông báo tàu đến cho các cơ quan hải quan Indonesia. Sau đó, chủ tàu hoặc đại lý khai báo hải quan phải nộp tờ khai cho hải quan, không chậm hơn 24 giờ sau khi tàu đến.

Hàng nhập khẩu được tính từ ngày dỡ hàng. Nếu hàng hóa vẫn chưa được phép nhập khẩu sau 30 ngày kể từ ngày lưu kho tạm thời, sẽ bị coi là hàng hóa không có yêu cầu thông quan. Nếu hàng hóa này vẫn chưa xuất kho sau 60 ngày, các cơ quan hải quan được phép thanh lý bằng phương pháp đấu giá. Số tiền thu được từ bán đấu giá sẽ được dùng để trả thuế nhập khẩu, các khoản thuế và phí khác. Phần còn lại thuộc tài sản của nhà nước nếu người chủ không đến nhận trong vòng 90 ngày kể từ ngày gửi thư thông báo. Nếu không có sự xác nhận từ phía người chủ hàng, khoản tiền này sẽ được sung vào công quỹ nhà nước.

Hàng hóa nhập khẩu có thể do người nhập khẩu, hay trung gian môi giới hải quan đại diện cho chủ hàng khai báo. Để có thể lấy hàng ra khỏi kho, người khai báo phải tuân theo các thủ tục sau:

- Tiến hành khai báo hải quan và trả thuế nhập khẩu cũng như các loại thuế khác tại ngân hàng hay văn phòng hải quan.
- Nộp đơn khai báo, các chứng từ an ninh và đảm bảo khác cho hải quan.

Trong tờ khai hải quan, người đứng khai cần điền một vài thông tin quan trọng, như tên và địa chỉ người xuất khẩu, tên, địa chỉ và chức danh người nhập khẩu; tên và địa chỉ người khai báo, tên tàu, mô tả hàng hóa, giá trị hàng hóa, v.v...

Tại bốn cảng chính (Tanjung Priok I, II, III và Soekarno-Hatta I-II) ở Indonesia, mẫu khai báo phải nộp và chuyển theo phương thức điện tử EDI (Hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử), trong khi ở các cảng khác có thể điền bằng tay hoặc nộp mẫu điền trên máy tính

Trong vòng tối đa 4 giờ đồng hồ, các nhà nhập khẩu sẽ nhận được quyết định từ cơ quan hải quan về việc tờ khai bị từ chối hay được tiếp nhận và quyết định kênh nộp thuế. Hải quan sẽ đưa ra lời giải thích nếu từ chối.

Do đặc điểm địa lý, Indonesia là nước gồm nhiều quần đảo lớn, vì thế không thể đặt các cơ quan hải quan dọc theo biên giới trên biển để đảm bảo rằng hàng hóa đưa vào hoặc đưa ra biên giới đã tuân theo tất cả các điều khoản quy định hay chưa. Vì vậy, việc thực hiện các thủ tục hải quan phải được tiến hành tại văn phòng cục hải quan. Điều đó có nghĩa là việc xếp hoặc dỡ hàng ở bất cứ địa điểm nào ngoài Cục Hải quan cũng bị coi là vi phạm điều luật hải quan.

Tuy nhiên, có thể thực hiện đầy đủ các thủ tục hải quan tại Văn phòng Cục hải quan, nhưng cần được phép của Bộ trưởng Bộ Tài chính, và phải phù hợp với các yêu cầu thương mại và kinh tế.

Hàng nhập khẩu chỉ được thông quan sau khi hoàn thành thủ tục hải quan và được các cán bộ hải quan chứng nhận. Trong trường hợp khai báo thiếu thuế, hàng hóa sẽ vẫn được ra khỏi khu vực hải quan, nhưng phải nộp lại số tiền thiếu này trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nộp thuế thiếu hoặc từ ngày thông báo định thuế lại.

1.2 Chứng từ nhập khẩu

Yêu cầu về các chứng từ cơ bản kể từ năm 1998 đến nay gần như không thay đổi. Các chứng từ cần thiết gồm:

- o Tờ khai hải quan (Clearance)
- o Hóa đơn chiếu lệ (Proforma Invoice)
- o Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)
- o Phiếu đóng gói (Packing List)
- o Giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate of Origin)
- o Vận đơn (Bill of Lading)
- o Đơn bảo hiểm (Insurance Certificate)
- o Các giấy chứng nhận đặc biệt cho một số sản phẩm nhất định

1.3 Những mặt hàng cấm hoặc hạn chế nhập khẩu

Những mặt hàng sau đây bị cấm hoặc hạn chế nhập khẩu hoặc xuất khẩu đến Indonesia nếu không được sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền:

- o Hàng hóa nguy hiểm như thuốc nổ và các loại thuốc độc hại, chất dễ cháy, thuốc độc, chất ôxy hóa, chất phóng xạ.
- o Hàng hóa dễ cháy nổ, tất cả các loại và kích cỡ pháo hoa.
- o Súng cầm tay các loại, đạn, súng hơi, súng thể thao...
- o Các loại tương tự súng cầm tay, súng hiệu hoặc súng giảm thanh kể cả các bộ phận của súng.
- o Sách và một số ấn phẩm nhất định (như sách, tạp chí, tờ rơi, tập quảng cáo, sách báo in bằng tiếng Trung Quốc; tất cả các ấn phẩm in bằng tiếng Indonesia hay các thổ ngữ).
- o Băng đĩa băng hình các loại, thiết bị thu phát; điện thoại không dây và các thiết bị truyền thông; máy photocopy màu và các bộ phận.
- o Các loại thực vật nhất định bị cấm nhập khẩu như một số loài có nguy cơ tuyệt chủng và các sản phẩm phụ; một số loại cá bị cấm xuất khẩu, như giống cá Sidat (*Anguila sp.*), *Panacidae shrimp (Panacidae sp.)*...
- o Các loại thực phẩm và đồ uống chưa đăng ký, thuốc được sản xuất ở nước ngoài.
- o Sản phẩm từ một số chất liệu như sản phẩm cao su, da bò chưa qua chế biến, mây và lõi mây bị cấm xuất khẩu.
- o Thuốc trừ sâu như DDT và penrachlorophenol và muối của nó.
- o Mảnh sắt thép phế thải.
- o Hàng hóa có giá trị văn hóa, khảo cổ và lịch sử.
- o Các loại động thực vật khác theo CITES.

- Các loại hàng hóa gây nguy hại đến tầng ozone như freon cho điều hoà nhiệt độ hoặc tủ lạnh với cấu trúc hóa học CFC-11, CFC-12 và CFC-13.
- Lượng tiền mặt rupiad nhất định.

1.4 Kiểm tra hải quan

Kiểm tra hải quan được áp dụng với hàng hóa nhập khẩu, bao gồm cả việc kiểm tra chứng từ và kiểm hóa. Để đảm bảo nhanh chóng, kiểm hóa phải được tiến hành có tuyến chọn. Việc kiểm tra chỉ tập trung vào những hàng hóa nhập khẩu có độ rủi ro cao, như hàng hóa có thuế suất cao, hàng hóa có thể nguy hiểm cho nhà nước và cộng đồng, và hàng hóa của những nhà nhập khẩu nằm trong danh sách đen.

Kiểm hóa thường được tiến hành trong các trường hợp có thông tin mật báo, hoặc chọn kiểm tra mẫu ngẫu nhiên do máy tính lựa chọn. Máy tính sẽ đánh dấu "vạch xanh" hoặc "vạch đỏ" đối với từng lô hàng nhất định. Nếu hàng hóa được phân loại theo "vạch đỏ" sẽ phải tiến hành kiểm hóa, và miễn kiểm đối với hàng hóa được xếp vào "vạch xanh". Việc kiểm tra hàng hóa cũng sẽ được thực hiện trong các trường hợp sau: hàng nhập khẩu tạm thời, hàng tái nhập...

Để thuận lợi hóa quá trình kiểm tra, Hải quan tại các cảng Tanjung Priok Jakarta và Tanjung Perak Surabaya ở Indonesia sử dụng container máy quét tia X công nghệ cao. Các quan chức hải quan có thể quyết định việc kiểm tra hàng hóa có cần thiết hay không bằng cách xem xét các hình ảnh "scan" theo phương pháp trên.

1.5 Tạm nhập

Mục tiêu tạm nhập là nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập khẩu hàng hóa theo các mục đích cụ thể, và sau đó hàng hóa sẽ được tái xuất. Dựa trên cơ sở Luật hải quan Indonesia, có hai danh mục hàng hóa nhập khẩu tạm thời:

Nhập khẩu tạm thời được miễn trừ thuế gồm:

- Hàng hóa triển lãm
- Hàng hóa sử dụng cho các hội nghị chuyên đề hay tương tự
- Hàng hóa được sử dụng cho mục đích giải trí công cộng
- Hàng hóa được sử dụng bởi các chuyên gia cho nghiên cứu, giáo dục, tôn giáo và mục đích văn hóa và để làm phim.
- Container được sử dụng để chuyên chở hàng hóa nhiều lần
- Hàng mẫu
- Mặt hàng sử dụng cho các trò chơi
- Các phương tiện giao thông sử dụng cho mục đích du lịch của cá nhân và tổ chức
- Các mặt hàng sử dụng cho hoạt động khoan dầu
- Các mặt hàng nhập vào để được sửa chữa, tu bổ, sửa đổi, kiểm tra hoặc bảo dưỡng
- Động vật sống cho mục đích giải trí công cộng, đào tạo, tạo giống hoặc các mục đích tương tự.

Nhập khẩu tạm thời được miễn một phần thuế gồm:

- Các mặt hàng nhập khẩu được sử dụng cho các dự án làm việc không được liệt kê trong danh mục các mặt hàng nhập khẩu tạm thời thứ nhất
- Hàng hóa nhập khẩu cho mục đích sản xuất hoặc giao thông nội địa.

Các mặt hàng tạm nhập cần phải ký gửi một khoản tiền để đảm bảo sau đó sẽ tái xuất, và phải trả 2% thuế nhập khẩu mỗi tháng trong thời gian sử dụng.

Bất kỳ người nào không tái xuất hàng nhập khẩu tạm thời trong khoảng thời gian cho phép sẽ phải trả thuế nhập khẩu và phạt hành chính 100% thuế nhập khẩu.

2. Chính sách thuế và thuế suất

Trong những năm gần đây, Indonesia đã không ngừng tự do hóa cơ chế thương mại và thực hiện một số biện pháp quan trọng nhằm giảm bảo hộ. Từ năm 1996, Chính phủ nước này đã ban hành một loạt các văn bản bãi bỏ những qui định hiện hành nhằm giảm mức thuế quan chung, đơn giản hóa khung thuế quan, xóa bỏ những hạn chế thương mại, thay các rào cản phi thuế thành biểu thuế rõ ràng, minh bạch hơn nhằm khuyến khích đầu tư tư nhân trong và ngoài nước.

2.1 Thuế nhập khẩu

Thuế quan đối với phần lớn các mặt hàng nhập khẩu vào Indonesia dựa trên chế độ Tối huệ quốc (MFN). Mức thuế quan trung bình của Indonesia hiện nay là 10%. Tuy nhiên, thuế quan đối với hàng công nghiệp vẫn đang tăng lên và giữ ở mức cao, ví dụ như đối với các thiết bị vận tải, dệt may và sản phẩm giấy.

Indonesia sử dụng Hệ thống Thuế quan Hải hòa (Harmonised System) để phân loại các mặt hàng xuất nhập khẩu của mình. Hệ thống thuế quan của Indonesia bao gồm 7.532 dòng thuế và 21 tỷ lệ (18 tỷ lệ tính theo giá hàng và 3 tỷ lệ tính theo số lượng).

2.2 Định giá tính thuế nhập khẩu và đóng thuế nhập khẩu

Người nhập khẩu hàng hóa phải tiến hành phân loại hàng hóa cho hàng nhập khẩu trước khi khai báo hải quan bằng đơn Phân loại trước khi nhập khẩu (PEC) nộp cho Cục trưởng Cục hải quan (DG).

Dựa trên Luật hải quan Indonesia, các cơ quan hải quan định thuế hàng nhập khẩu là giá trị giao dịch, là giá thực tế hoặc giá trả cho hàng hóa khi bán hoặc xuất khẩu đến nước nhập khẩu, phù hợp với điều 8 trong thỏa thuận thực hiện mục VII của Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT) 1994.

- Nếu trị giá hải quan của hàng nhập khẩu không xác định được theo phương pháp giá trị giao dịch thì có thể định giá theo giá trị giao dịch của hàng hóa cùng loại.
- Nếu trị giá tính thuế hải quan của hàng hóa nhập khẩu không xác định được theo các phương pháp trên có thể định thuế theo giá trị giao dịch của hàng hóa tương tự.
- Nếu trị giá tính thuế hải quan của hàng hóa nhập khẩu không xác định được theo các phương pháp trên có thể định thuế theo phương pháp suy diễn.
- Nếu trị giá tính thuế hải quan của hàng hóa nhập khẩu không xác định được theo phương pháp trên đây có thể định thuế theo phương pháp căn cứ vào máy tính.

- o Nếu trị giá tính thuế hải quan của hàng hóa nhập khẩu không xác định được theo phương pháp trên có thể định thuế theo các phương pháp hợp lý khác phù hợp với các điều khoản và nguyên tắc được đề cập đến trong điểm từ 1 đến 5 dựa trên cơ sở dữ liệu về lãnh thổ hải quan phù hợp với các quy định nhất định.

Thông thường, hải quan Indonesia định giá tính thuế nhập khẩu theo giá CIF.

Việc đóng thuế nhập khẩu phải tiến hành thông qua các ngân hàng ngoại hối hoặc thông qua Văn phòng hải quan trong giờ làm việc sau khi khai báo hải quan.

Tại sân bay Tanjung Priok và sân bay Soekarno-Hatta là nơi hệ thống EDI (chuyển đổi số liệu điện tử) được thực hiện đầy đủ, việc trả thuế có thể thông qua các máy giao dịch tự động.

2.3 Miễn thuế, giảm thuế và hoàn thuế nhập khẩu

Thuế nhập khẩu không đánh vào các mặt hàng quá cảnh hoặc chuyển tải. Về nguyên tắc, hàng hóa đến từ ngoài lãnh thổ hải quan phải nộp thuế nhập khẩu tại thời điểm hàng hóa được mang vào lãnh thổ hải quan. Hàng hóa được nhập khẩu với mục đích sử dụng trong gia đình không bị đánh thuế nhập khẩu.

Miễn thuế nhập khẩu đối với:

- o Hàng hóa của các đại diện nước ngoài và viên chức của họ làm việc tại Indonesia theo nguyên tắc tương hỗ.
- o Hàng hóa cho các cơ quan quốc tế và viên chức của họ làm việc tại Indonesia.
- o Nguyên phụ liệu chế biến, lắp đặt hoặc lắp ráp cho hàng xuất khẩu khác.
- o Sách khoa học, hàng hóa phục vụ cho mục đích tôn giáo, cứu tế, xã hội và văn hóa.
- o Hàng hóa cho bảo tàng, vườn thú và những nơi công cộng tương tự khác.
- o Hàng hóa cho mục đích nghiên cứu và khoa học.
- o Hàng cho người mù và những người tàn tật khác.
- o Vũ khí, đạn dược và các thiết bị quân sự, bao gồm cả các thiết bị lắp ráp cho quân đội quốc gia.
- o Nguyên liệu sử dụng để sản xuất hàng hóa khác cho mục đích quân sự và an ninh quốc gia.
- o Hàng mẫu không có giá trị thương mại.
- o Quan tài hoặc các loại đồ đựng xác chết và tro
- o Hàng hóa do khách du lịch mang theo với giá trị và/ hoặc số lượng nhất định

Giảm thuế nhập khẩu đối với các loại hàng hóa:

- o Máy móc cho thiết lập hoặc phát triển công nghiệp (ví dụ như thiết bị viễn thông và mạng lưới)
- o Hàng hóa và nguyên liệu để thiết lập hoặc phát triển công nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định.
- o Thiết bị và các chất được sử dụng nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Hạt và giống vật nuôi, cây trồng cho việc thiết lập và phát triển ngành trồng trọt, chăn nuôi hoặc đánh bắt cá.
- Hải sản được đánh bắt bằng tàu có đăng ký.
- Hàng hóa xuất khẩu để sửa chữa, chế biến hoặc kiểm tra.
- Hàng hóa tái nhập trong tình trạng tương tự.
- Hàng hóa bị thiệt hại tự nhiên, giảm chất lượng, huỷ hoại hoặc giảm khối lượng, trọng lượng trong thời gian chuyên chở trên lãnh thổ hải quan và thời gian nhập khẩu được chứng nhận nhập khẩu cho mục đích gia dụng.
- Thuốc chữa bệnh, nhóm máu và giấy thử phản ứng.
- Hàng hóa do chính phủ mua với mục đích công cộng.
- Hàng tạm nhập.
- Hoàn thuế được tiến hành toàn bộ hay một phần trong các trường hợp sau:
- Trả quá mức thuế nhập khẩu, ví dụ trả quá thuế do các cơ quan hải quan xác định thuế nhầm hoặc lỗi hành chính
- Trả quá mức thuế nhập khẩu sau khi có xác nhận của cơ quan xét kháng cáo

Các điều khoản miễn giảm và hoàn thuế do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định. Cần chú ý rằng bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào không tuân theo các điều khoản về miễn giảm, hoàn thuế nhập khẩu theo Luật Hải quan Indonesia, gây thất thoát ngân sách nhà nước, sẽ bị phạt hành chính 100% tổng giá trị hàng hóa.

2.4 Các loại thuế khác đánh vào hàng nhập khẩu

2.4.1. Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng (VAT) được áp dụng đối với tất cả các mặt hàng, không kể hàng hóa được sản xuất tại Indonesia hay nhập khẩu. Mức thuế từ 0% đến 10%.

VAT áp dụng cho các hoạt động sau:

- Phân phối hàng hóa chịu thuế trong khu vực hải quan Indonesia do một chủ thể kinh doanh chịu thuế tiến hành.
- Nhập khẩu hàng hóa chịu thuế.
- Phân phối dịch vụ chịu thuế được kiểm soát trong khu vực hải quan Indonesia do một chủ thể chịu thuế tiến hành.

2.4.2. Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng xa xỉ

Thuế tiêu thụ đặc biệt (STLG) được áp dụng đối với các mặt hàng như mỹ phẩm, đồ uống đóng chai bán lẻ, ô tô... Thuế tiêu thụ đặc biệt được tính 1 lần, và được thu tại thời điểm nhà sản xuất bán hàng hoặc tại thời điểm nhập khẩu.

Có các mức thuế: 10%, 20%, 35%, 40% hoặc 50% phụ thuộc vào từng loại hàng. Thuế được tính dựa trên giá nhập khẩu hoặc giá nội địa chưa tính thuế giá trị gia tăng. Thuế này không được trả chậm hoặc hoàn trả như thuế VAT.

2.4.3 Thuế thu nhập

Thuế thu nhập cá nhân tối đa là 30% cụ thể như sau:

Mức thu nhập (Rp)	Mức thuế (%)
0 – 50.000.000	0 + 5% trên dư thừa

50.000.001 – 250.000.000	2.500.000 + 15% trên dư thừa
250.000.001 – 500.000.000	32.500.000 + 25% trên dư thừa
>500.000.000	95.000.000 + 30% trên dư thừa

Thuế thu nhập doanh nghiệp ở Indonesia hiện tại áp dụng ở mức 25%.

Thuế thu nhập (PPH) là 2,5% đối với nhà nhập khẩu có đăng ký và 7,5% đối với nhà nhập khẩu chưa đăng ký.

Để biết thêm chi tiết về biểu thuế của Indonesia, có thể tìm hiểu tại các trang web sau:

<http://www.watimas.com/Pdf/tariff1-60.pdf>

<http://www.pwc.com/id/en/indonesian-pocket-tax-book/assets/indonesian-pocket-tax-book-2013.pdf>

<http://ems.posindonesia.co.id/custom.html>

3. Quy định về bao gói, nhãn mác

Kể từ năm 1979, quy định về nhãn mác theo Tiêu chuẩn quốc gia Indonesia (SNI) yêu cầu bắt buộc đối với các mặt hàng liên quan đến an toàn và sức khỏe. Thuốc và dược phẩm phải chỉ rõ xuất xứ, thành phần, chất lượng, số lượng và số đăng ký trên bao bì.

Theo các yêu cầu về dán nhãn thực phẩm có hiệu lực từ năm 1999, tất cả các mặt hàng thực phẩm đóng gói sẵn phân phối ở Indonesia phải được in nhãn bằng tiếng *Bahasa* - ngôn ngữ chính thức của Indonesia, với chữ số Ả-rập và chữ cái La tinh, và ghi rõ hạn sử dụng (chứ không sử dụng cách ghi "sử dụng tốt nhất trước ngày...").

Kể từ tháng 1/2001, bất kỳ một loại thực phẩm nào có chứa các thành phần có liên quan đến kỹ thuật di truyền hoặc chiếu xạ phải được dán nhãn tuân theo các yêu cầu của Văn phòng quốc gia về Kiểm soát Thuốc và Thực phẩm (BPOM).

4. Quy định về kiểm dịch động thực vật

Tất cả các mặt hàng thực phẩm nhập khẩu vào Indonesia đều phải tuân theo các yêu cầu về y tế và an toàn (bao gồm cả việc đăng ký với Bộ Y tế) và các tiêu chuẩn quốc gia Indonesia (SNI). Ngoài ra, từ tháng 5/2000, hoa quả nhập khẩu cần phải có giấy chứng nhận là không có sâu bệnh, và khoai tây nhập khẩu không chứa mầm bệnh.

Các mặt hàng thực phẩm nhập khẩu vào Indonesia phải có giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thực phẩm kèm theo lô hàng nhập khẩu. Theo quy định của Cơ quan kiểm dịch thực phẩm Indônêxia (Bedan POM), hàng hoá thực phẩm phải được chứng nhận cụ thể như sau: các loại thực phẩm phù hợp tiêu chuẩn vệ sinh quy định, thích hợp cho người sử dụng, được phép xuất/nhập khẩu. Đã có một số doanh nghiệp của Việt Nam không thể xuất khẩu hàng hóa thực phẩm sang Indonesia hoặc bị ách lại tại cảng do giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thực phẩm chỉ thiếu chữ "Thích hợp cho người sử dụng" (Fit for human consumption).

Một số mặt hàng thực phẩm nhất định cần phải có giấy chứng nhận *halal*, nghĩa là động vật đã được giết mổ theo giới luật Hồi giáo và phải được thông qua trước khi nhập khẩu. Đồng thời, thực phẩm phải có giấy chứng nhận không chứa dioxin.

Kể từ năm 1996, việc sản xuất, nhập khẩu, và phân phối các phụ gia thực phẩm (như vitamin, khoáng chất, chiết xuất, amino acid, dạng cô đặc hoặc hỗn hợp) đều phải được các công ty dược phẩm hoặc các công ty phụ gia thực phẩm đăng ký với chính quyền địa phương, và phải được sản xuất tuân theo các thông lệ về sản xuất thực phẩm. Các yêu cầu về vệ sinh và an toàn đều được thiết lập cùng với các giới hạn tối đa hàng ngày đối với vitamin và khoáng chất.

Tất cả các thực phẩm chế biến đều được Văn phòng quốc gia về Kiểm soát Thuốc và Thực phẩm (BPOM) của Indonesia kiểm tra. Các mặt hàng thực phẩm nhập khẩu phải có số đăng ký do BPOM cấp. Việc nhập khẩu động vật sống cũng cần phải có giấy chứng nhận đã được kiểm tra do Dịch vụ Thú y Indonesia cấp.

Tất cả các thiết bị y khoa, đồ trang sức và các thiết bị y tế gia dụng đều phải đăng ký với Văn phòng Thực phẩm và Thuốc. Dược phẩm nhập khẩu và sản xuất nội địa cũng cần phải có chứng nhận phân tích từ nhà sản xuất. Thuốc bán không cần đơn bác sĩ thì phải có sách hướng dẫn sử dụng kèm theo. Các nhà bán lẻ bị cấm việc tái đóng gói hoặc pha trộn thuốc.

5. Quyền sở hữu trí tuệ

Cũng như các nước trong khu vực, hiện nay tỷ lệ vi phạm quyền sở hữu trí tuệ ở Indonesia rất cao, khoảng 90%. Vì vậy khi các doanh nghiệp đến Indonesia làm ăn cần lưu ý đến công tác đăng ký quyền sở hữu trí tuệ để được pháp luật bảo hộ, tránh được các rủi ro về vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

6. Khu vực tự do thương mại

Indonesia là một trong các nước sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) và là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Indonesia rất tích cực ủng hộ chương trình tự do thương mại trong khối ASEAN nhằm đưa hàng hóa trong khu vực lưu thông thuận tiện nhờ các chính sách ưu đãi về thuế nhập khẩu một số hàng hoá (CEPT).

7. Thành lập doanh nghiệp

Các bước để thành lập doanh nghiệp tại Indonesia như sau:

- Lấy mẫu đăng ký thành lập doanh nghiệp; làm thủ tục đăng ký công chứng điện tử, kiểm tra tên doanh nghiệp dự kiến đặt xem có bị trùng lặp hay không tại Bộ Pháp luật và Quyền Con người.
- Những người sáng lập doanh nghiệp ký đơn đăng ký thành lập doanh nghiệp tại cơ quan công chứng.
- Nhận giấy chứng nhận về trụ sở doanh nghiệp của chính quyền địa phương nơi đặt trụ sở doanh nghiệp
- Đăng ký mã số thuế và số thu thuế VAT tại Cục Thuế
- Nộp bộ hồ sơ đăng ký thành lập (gồm đơn đăng ký, chứng nhận trụ sở doanh nghiệp, đơn đăng ký mã số thuế và số thu thuế VAT) tới Bộ Pháp luật và Quyền con người.
- Công chứng điều lệ thành lập công ty.

- Đăng ký giấy phép kinh doanh với Cơ quan phụ trách về đăng ký doanh nghiệp (TDP)
- Đăng ký với Bộ Nhân lực
- Đăng ký bảo hiểm xã hội cho nhân viên.

8. Văn hoá kinh doanh

Lịch làm việc

Hầu hết các doanh nghiệp ở Indonesia bắt đầu ngày làm việc từ 8h - 9h sáng đến 4h - 5h chiều, một số doanh nghiệp làm việc vào các ngày thứ bảy từ 8h - 9h sáng đến 1h - 2h giờ trưa. Một số doanh nghiệp đóng cửa vào buổi trưa ngày thứ sáu để hành lễ Hồi giáo.

Các cơ quan nhà nước làm việc từ 8h sáng đến 3h chiều các ngày trong tuần từ thứ hai đến thứ năm; từ 8h - 11h30 vào các ngày thứ sáu; và 8h sáng đến 2h chiều các ngày thứ bảy. Các ngân hàng mở cửa từ 8h sáng đến 12h trưa từ thứ hai đến thứ sáu và một số ngân hàng mở cửa cả các ngày thứ bảy. Một số chi nhánh ngân hàng trong các khách sạn có thể mở cửa muộn hơn. Các cửa hàng thường mở cửa từ 8h sáng đến khoảng 9h tối từ thứ hai đến thứ bảy.

Tạo mối giao dịch

Thông qua giới thiệu là phương pháp thích hợp nhất để phát triển các cơ hội kinh doanh ở Indonesia. Khi giao dịch với khu vực tư nhân, hãy liên hệ trực tiếp với người lãnh đạo cao cấp nhất. Các yêu cầu của bạn sẽ được chuyển thẳng đến đúng người, đúng cấp.

Đối với các công ty nước ngoài, điều quan trọng nhất là phải tìm được một đối tác, người đại diện hay đại lý sở tại để làm người trung gian. Một khi thực sự muốn làm ăn ở Indonesia, bạn nên có một chuyên gia hoạt động ở Indonesia.

Khi nghiên cứu lựa chọn các đối tác và tư vấn địa phương, điều quan trọng là nên chọn thuê các công ty địa phương có các mối quan hệ chính trị nhất định. Bạn nên tìm những thành viên có ảnh hưởng về chính trị và lưu ý xem các thành viên lãnh đạo cao nhất công ty là người thuộc sắc tộc nào. Sau đó hãy kiểm tra lại các thông tin giới thiệu và hồ sơ lưu trữ.

Một điều quan trọng khác nên nhớ là các quan hệ làm ăn với khu vực tư nhân và nhà nước có sự khác biệt rất lớn. Khi làm việc với chính phủ, phải bắt đầu từ các cơ quan phù hợp và dần dần lên đến cấp cao nhất. Đừng bắt đầu từ cấp cao nhất. Việc gây dựng các mối quan hệ là rất quan trọng. Làm ăn với nhà nước có thể rất mất thời gian và rất dễ thất bại.

Gặp gỡ, tiếp xúc

Thời gian thích hợp nhất để sắp xếp các chuyên công tác đến Indonesia là từ tháng 9 đến tháng 6. Nhiều người ở Indonesia đi nghỉ hè vào các tháng 7 và 8. Tránh các ngày nghỉ ở địa phương - đặc biệt là ngày lễ ăn chay Ramadan. Lễ này có thể kéo dài vài tuần, và người ta sẽ không chú ý đến việc gì khác. Người Indonesia thường tiếp khách mà không cần phải hẹn trước, nhưng tốt nhất là nên sắp đặt trước kế hoạch.

Người Indonesia rất tôn trọng tuổi tác, địa vị xã hội và chức vụ. Nên nhận biết về địa vị và sắc tộc của người mà bạn gặp mặt. Khi gặp gỡ một nhân vật cao cấp phía Indonesia, cần phải bố trí người có địa vị tương ứng của bên mình để giao dịch, đàm phán. Giữa chủ tịch của một hãng với những quản trị viên cao cấp, hoặc giữa quản lý cao cấp và quản lý bậc trung thường có khoảng cách lớn. Những người Indonesia cấp bậc trung có thể phóng đại chức vụ và phạm vi trách nhiệm của mình, nhất là khi giao dịch với người nước ngoài.

Người Indonesia không phải lúc nào cũng đúng giờ, mặc dù họ đánh giá rất cao sự đúng giờ của bạn. Người Indonesia thường dùng cụm từ “jam karet” có nghĩa là “giờ cao su” để thanh minh cho sự chậm trễ của họ. Các cuộc gặp gỡ ban đầu thường được tổ chức ở hành lang khách sạn hay ở văn phòng và đôi khi tại một bữa ăn.

Khi gặp mặt lần đầu tiên, nên bắt tay, hơi cúi đầu và mỉm cười. Người Indonesia thường xuyên mỉm cười trong mọi tình huống, kể cả khi họ vui lẫn khi họ đang buồn hay lo lắng. Người nước ngoài nên cẩn thận trước những nụ cười của họ vì nó có thể mang những hàm ý trái ngược. Sau lần gặp đầu tiên, người Indonesia rất ít khi bắt tay lúc chào nhau. Hầu hết người Indonesia bắt tay nhẹ nhàng, nên đừng bắt tay với họ mạnh theo kiểu phương Tây. Do ảnh hưởng của Đạo Hồi, sau khi bắt tay, người Indonesia thường áp hai tay vào ngực để biểu thị rằng lời chào của họ xuất phát từ trái tim. Người Indonesia cũng bắt tay khi chúc mừng ai đó hoặc khi chia tay trước cuộc hành trình dài.

Người Indonesia thường chỉ có một tên. Khi xưng hô với một người Indonesia lớn tuổi, có địa vị xã hội hay chính trị cao, nên gọi họ là “bapak” đối với đàn ông, có nghĩa là “bố” và “ibu” đối với phụ nữ, có nghĩa là “mẹ” và tiếp theo là tên của họ. Cả hai cách gọi này tương đương với “Ông” hay “Bà” trong tiếng Anh. Theo truyền thống, những cách xưng hô này chỉ sử dụng trong cùng một cộng đồng sắc tộc. Nhưng những người nước ngoài khi đã được người Indonesia chấp thuận cũng có thể gọi họ như vậy. Khi gặp mặt lần đầu tiên, cách an toàn nhất là dùng các cách gọi như “Ông” hoặc “Bà” hoặc gọi bằng chức danh. Người Indonesia có thể gọi bạn là “tuan” hay “nyonya”, đó là những từ biểu thị sự tôn kính.

Danh thiếp được trao đổi trong lần gặp mặt đầu tiên. Người Indonesia rất có ấn tượng với các chức danh hay học vị chuyên môn, do đó nên đề rõ chức danh và các học vị chuyên môn ở các danh thiếp.

Người Indonesia rất mềm mỏng nhưng không ôn hoà. Họ ưa các cách xử sự lịch sự, đứng đắn, tế nhị và tôn trọng. Lỗ mắng và to tiếng không được coi trọng. Hơn nữa, người Indonesia đánh giá rất cao những người nước ngoài biểu lộ sự hứng thú với đất nước, văn hóa và ngôn ngữ của họ. Có quan hệ với những người được xã hội chấp nhận sẽ có một ảnh hưởng đáng kể đến những giao dịch kinh doanh. Trên thực tế, chẳng hạn, gia đình, bạn bè và các mối quan hệ có thể tỏ ra là quan trọng trong công tác kinh doanh hơn là so với chất lượng sản phẩm hay dịch vụ đang được mời chào.

Trong lần gặp gỡ đầu tiên và khởi đầu cho tất cả quá trình gặp mặt tiếp theo, điều quan trọng là các câu chuyện đối thoại nên đề cập đến các vấn đề xã hội chung chung và tế nhị. Các chủ đề thích hợp nhất là thời tiết, các chuyến đi của bạn hoặc ca ngợi một số mặt nào

đó của văn hóa Indonesia... Nên tránh các câu hỏi liên quan đến cá nhân của người đối tác như tiền lương, quần áo, nhà cửa, xe cộ của anh ta. Các chủ đề người Indonesia ưa nói chuyện là về văn hóa của họ cũng như về các môn thể thao như: cầu lông, bóng đá, bóng chuyền, quần vợt và đua xe đạp. Nếu ai đó tán dương bạn, đừng nói “Cảm ơn”. Chỉ nên ậm ừ hoặc nói rằng “Không đáng gì, không quan trọng”.

Hết sức tránh nói chuyện về chính trị và các vấn đề phân chia sắc tộc trong nội bộ Indonesia vì đây có thể là các vấn đề nhạy cảm. Nên tránh tỏ ra thù địch và kích động. Các cuộc tiếp xúc đầu tiên thường là cơ hội để tìm hiểu lẫn nhau và công việc kinh doanh có thể không được bàn tới. Cuối cuộc gặp, nên nói “Terimah kasi” có nghĩa là “Cảm ơn”. Như vậy có thể gây dựng được một mối quan hệ làm ăn chặt chẽ hơn và gần gũi hơn với họ.

Tặng quà và hối lộ là một khía cạnh bình thường trong cuộc sống của người Indonesia, cả trong các tình huống xã hội cũng như kinh doanh. Các quan chức cao cấp sẽ không cho bạn biết trực tiếp họ muốn “tiền hoa hồng” (tức là hối lộ) của họ là bao nhiêu. Thường thì các quan chức cấp dưới sẽ tự liên hệ với đối tác sở tại của bạn về “yêu cầu về các khoản hoa hồng” và họ sẽ thông báo lại cho bạn.

Mặc dù có những khác biệt giữa các khu vực và giữa thành thị và nông thôn, người Indonesia vẫn theo một số tập quán xã hội chung. Ngồi bắt chéo chân thường là không thích hợp, đặc biệt là khi có mặt các quan chức cao cấp. Tuy vậy, nếu bạn muốn ngồi bắt chéo chân thì chỉ bắt chéo ở đầu gối hay phần mắt cá chân. Đừng bao giờ để bàn chân này lên mắt cá chân kia, như vậy gót chân bạn sẽ chĩa vào mặt người khác mà người ta quan niệm gót chân là bản thủ. Bạn sẽ bị coi là thô lỗ nếu bạn ngồi lên bàn hay để chân lên bàn. Người Indonesia cũng coi cách đứng cho tay vào túi hay chống nạnh là biểu hiện sự coi thường hay kiêu ngạo.

Nói chung, ưu tiên đàn ông trước khi đi qua cửa hay khi ngồi ở các cuộc gặp chính thức. Người cao cấp nhất đi trước, tiếp theo là những người khác theo thứ bậc từ trên xuống dưới. Do ảnh hưởng của người phương Tây, bạn sẽ thấy những nghi thức này không phải luôn luôn đúng ở các thành phố lớn. Khi có mặt những người phương Tây, đừng bao giờ đụng chạm vào người phụ nữ Indonesia, trừ cái bắt tay ban đầu.

Trong mọi tình huống, không được sử dụng tay trái. Bạn cũng không nên chỉ tay bằng ngón trỏ, cử chỉ này bị coi là thô lỗ và có khi còn là một sự đe dọa. Nếu người Indonesia cần chỉ vào cái gì đó, họ sẽ sử dụng ngón tay cái. Vẫy tay ra hiệu phải dùng cả cánh tay, úp bàn tay xuống và đưa tay về phía mình như động tác cào. Ở bất kỳ nơi nào, nếu có thể, nên tránh vẫy tay ra hiệu, trừ vẫy taxi, xích lô (người Indonesia gọi là bacak) hay vẫy một đứa trẻ. Đừng vỗ vào đầu người khác, bởi vì người Indonesia tin tưởng rằng đầu là nơi ngự trị của linh hồn. Lưng cũng được coi là chỗ riêng tư. Người Indonesia biểu lộ sự đồng tình bằng cách vỗ vào vai, nhưng người nước ngoài tốt nhất là nên kiềm chế các cử chỉ này.

Cơ cấu tổ chức công ty

Các công ty Indonesia không được tổ chức điều hành tốt như các công ty phương Tây. Họ rất thiếu trách nhiệm đối với công việc. Cơ cấu tổ chức công ty nói chung bao gồm

một chủ tịch ở vị trí cao nhất, tiếp theo là tổng giám đốc, phó giám đốc và các giám đốc điều hành. Các công ty Indonesia được tổ chức một cách có thứ bậc và tập trung, các quyết định được đưa ra bởi cấp điều hành cao nhất. Tại hầu hết các công ty của Indonesia, người sáng lập công ty hoặc một thành viên chủ chốt của gia đình, nam hay nữ, đều nắm hầu hết quyền ra quyết định. Người Indonesia cảm thấy rằng cách thức này tỏ ra phát huy tác dụng tốt nhất cả ở khu vực nhà nước và khu vực tư nhân. Khái niệm quản lý chuyên môn được các công ty đa quốc gia, chủ yếu là các công ty Mỹ áp dụng. Việc đào tạo những nhà quản lý hiện đại người Indonesia tiếp tục là mục tiêu quan trọng đối với hầu hết các công ty nước ngoài.

Theo truyền thống, người Indonesia coi trọng địa vị xã hội và nhóm sắc tộc hơn là khả năng thực tế. Sự hài hòa về xã hội giá trị hơn cả hiệu quả công việc. Tuy điều này đang dần thay đổi nhưng nó vẫn là một quan niệm phổ biến.

Có rất nhiều doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác nhau của nhà nước. Ví dụ, Perumtel, công ty viễn thông của nhà nước trực thuộc Bộ Du Lịch, Bưu Điện và Viễn thông. Hoạt động của các cơ quan khác nhau của chính phủ có ảnh hưởng đến từng giai đoạn khác nhau của một dự án. Bộ phối hợp các hoạt động Kinh Tế, Tài Chính và Công Nghiệp (EKUIN) phê duyệt các dự án khả thi trước khi ký hợp đồng. EKUIN gồm 5 nhánh riêng rẽ phụ trách các hoạt động như: các vấn đề tiền tệ, cân đối thu chi và tài chính nhà nước; các quan hệ tài chính quốc tế; sản xuất và phân phối các sản phẩm nông nghiệp; sản xuất công nghiệp, khai mỏ và năng lượng; cơ sở hạ tầng và các loại dịch vụ. Cơ quan đánh giá và áp dụng công nghệ (BPPT) quản lý các công việc chuyển giao và nhập khẩu công nghệ. Cục Phối hợp đầu tư là cơ quan nhà nước phụ trách việc xúc tiến phát triển và mở rộng của công nghiệp ở Indonesia. Được thiết kế theo cơ cấu “một cửa”, cơ quan này hỗ trợ các công ty nước ngoài thiết lập các doanh nghiệp làm ăn ở Indonesia, nhưng nó không phụ trách các đầu tư trong lĩnh vực dầu mỏ, khí đốt và ngân hàng

PHẦN V: ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

Đại sứ quán Việt Nam tại Indonesia

Địa chỉ : .JL. Teuku Umar. No 25, Jakarta Pusat, Jakarta

Điện thoại : 3100358

Mobile (VP) : 62-811161025

Fax : 3149615

Email : embvnam@uninet.net.id

Website: www.vietnamembassy-indonesia.org

Phòng Thương mại và Công nghiệp JAKARTA

Jakarta Chamber of Commerce and Industry

Địa chỉ: Majapahit Permai, Block B20-22 Jl. Majapahit 18-22 JAKARTA 10160

Tel: (006221) 3844533

Fax: (006221) 3844549

Email: kadinjktz@indosat.net.id

Website: www.kadin.or.id

Bộ Thương mại và Công nghiệp

Ministry of Industry and Trade (MOIT)

Địa chỉ: 52-53, Jl. Gatot Subroto Kav JAKARTA 12950

Tel: (006221) 3858204

Fax: (006221) 3858191

Email: ses-daglu@dprin.go.id

Website: www.dprin.go.id

Cục Phát triển Xuất khẩu

National Agency for Export Development (NAFED)

Địa chỉ: Ministry of Industry and Trade 8, Jalan Gajah Mada JAKARTA PUSAT 10310

Tel: (006221) 6341082

Fax: (006221) 6338360

Email: nafed@nafed.go.id

Website: www.nafed.go.id

Tài liệu tham khảo

Thông tin tổng quan về nền kinh tế Indonesia tại

- o website của Bộ Ngoại giao Việt Nam www.mofa.gov.vn
- o www.cia.gov
- o www.austrade.gov.au
- o www.ecvn.com

Báo cáo thống kê tình hình xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Indonesia của Tổng Cục Thống kê Việt Nam, Tổng cục Hải quan Việt Nam và Bộ Công Thương Việt Nam.

Thông tin về quan hệ Việt Nam – Indonesia tham khảo từ website của Đại sứ quán Việt Nam tại Indonesia.

Thông tin về khu công nghiệp của Indonesia tại website của Tạp chí Công nghiệp - Bộ Công Thương.

Thông tin về tình hình kinh tế, thương mại, đầu tư của Indonesia và quan hệ với Việt Nam tham khảo từ các tin, bài viết trên các báo (Đầu tư, Thời báo Kinh tế Việt Nam...), mạng tin kinh tế trong và ngoài nước (Vinanet, Asemconnect, VnExpress, Thông tấn xã Việt Nam)..., công cụ thông tin của các tổ chức cung cấp thông tin nước ngoài (Datamonitor, Trademap, Productmap (ITC)...).